



PGS.TS. LÊ DANH VĨNH* & TS. HỒ TRUNG THANH**

1. Tổng quan

Sau một thời gian khá dài duy trì mức độ tăng trưởng kinh tế cao và tương đối ổn định với nhịp độ tăng trưởng hàng năm là 7,66% (giai đoạn 2003-2007), trong 2 năm gần đây nhịp độ tăng trưởng kinh tế nước ta bắt đầu chậm lại, chỉ đạt mức trên dưới 6%/năm (năm 2008 là 6,18%, năm 2009 là 5,32%), các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô có dấu hiệu bất ổn như: lạm phát tăng cao, nhập siêu lớn, một số cân đối lớn khác của nền kinh tế có nguy cơ bất ổn...

Nguyên nhân của tình hình nói trên là do những biến động bất thường và trái chiều của nền kinh tế thế giới, cộng với những yếu kém nội tại của nền kinh tế đã được tích tụ trong những năm trước đó nhưng chưa được xử lý kịp thời.

Từ giữa năm 2007, nền kinh tế thế giới bắt đầu có những biểu hiện bất ổn. Giá cả của nhiều mặt hàng, nhất là nguyên, nhiên liệu, lương thực trên thị trường thế giới tăng cao, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế nước ta. Giá các mặt hàng trong nước tăng mạnh gây nên tình trạng lạm phát cao trong năm 2008 (23%), sản xuất và đời sống gặp nhiều khó khăn. Trước thực trạng đó, Chính phủ đã đề ra mục tiêu ưu tiên kèm chế lạm phát, ổn

định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu duy trì tăng trưởng hợp lý. Những giải pháp của Chính phủ đã kịp thời đẩy lùi lạm phát, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

Từ tháng 9/2008, cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế từ Mỹ đã lan rộng trên phạm vi toàn thế giới, tác động nghiêm trọng đến hầu hết các nền kinh tế và đã tác động rất tiêu cực đến nước ta, đặc biệt là xuất khẩu, thu hút nguồn vốn đầu tư, thu nhập du lịch và kiều hối, làm suy giảm nhịp độ tăng trưởng, đe dọa đến việc ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội. Chính phủ đã chuyển mục tiêu từ ưu tiên kèm chế lạm phát sang ưu tiên ngăn chặn suy giảm nhịp độ tăng trưởng, coi trọng ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội; bên cạnh đó, cũng đã kịp thời ban hành các chính sách kích thích kinh tế, thực hiện cơ chế hỗ trợ lãi suất phù hợp với thực tiễn nước ta để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, duy trì việc làm và bảo đảm tăng trưởng. Do đó, năm 2009, trong tình hình các nước trên thế giới đều có mức tăng trưởng âm, VN vẫn đạt được nhịp độ tăng trưởng dương 5,32% và là một trong 12 quốc gia có mức tăng trưởng dương.

Năm 2010, tình hình kinh tế thế giới và trong nước sẽ thuận lợi hơn so với năm 2009 với đà phục

* Thứ trưởng thường trực Bộ Công thương

** Viện Nghiên cứu thương mại, Bộ Công thương

hồi của nền kinh tế thế giới, các kích thích kinh tế trong năm 2009 tiếp tục được thực hiện trong năm 2010 và phát huy tác dụng... Tuy nhiên, nhiều khó khăn thách thức đang đặt ra, đó là hậu quả của đà suy giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2009, các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nguồn nhân lực qua đào tạo còn thiếu, thiên tai dịch bệnh còn diễn biến khó lường... Do đó, mục tiêu đặt ra cho năm 2010 vẫn là đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế. Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 18/NQ-CP ngày 6/4/2010 về các giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010.

Như vậy, trong 3 năm qua, các cấp, các ngành trong cả nước đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện mục tiêu ưu tiên hàng đầu là ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Đóng góp của ngành công thương đối với việc ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế

Lĩnh vực thương mại và công nghiệp có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế ở chỗ:

Thứ hết, phát triển công nghiệp góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng việc cung ứng cho thị trường những mặt hàng công nghiệp thiết yếu, đảm bảo những cân đối lớn của nền kinh tế về năng lượng, vật tư, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng...

Thứ hai, cung cấp hàng hóa cho thị trường xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, lành mạnh hóa cán cân thanh toán quốc tế.

Thứ ba, phát triển thị trường nội địa, góp phần bình ổn thị trường, giá cả, kiềm chế lạm phát, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Thứ tư, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu cho các hàng hóa của VN, góp phần tạo thêm ngoại lực cho phát triển kinh tế, thúc đẩy cải cách thể chế kinh tế, tận dụng cơ hội mở cửa thị trường để nâng cao

khả năng cạnh tranh của nền kinh tế...

2.1 Về phát triển công nghiệp

Trong những năm qua, tăng trưởng công nghiệp góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Hiện nay, công nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong GDP (khoảng 40% GDP), gồm các ngành có mức đóng góp lớn cho ngân sách như: dầu khí, điện, than, dệt may, da giày, điện tử... Trong giai đoạn 2001-2007, công nghiệp có mức tăng trưởng khá cao và ổn định, bình quân là 16,2%/năm. Tuy nhiên, trong 2 năm 2008 và 2009, do ảnh hưởng của kinh tế thế giới, mức tăng trưởng công nghiệp có phần giảm sút, năm 2008 tăng 14,6%, riêng năm 2009 chỉ tăng 7,6%.

Trong năm 2010, mức tăng trưởng công nghiệp nước ta đã được phục hồi một cách nhanh chóng. Trong 11 tháng năm 2010, mức tăng trưởng sản lượng công nghiệp đạt 13,8%. Như vậy, dự kiến cả năm sẽ tăng khoảng 12,5%, vượt mức so với kế hoạch năm (12%). Những ngành có mức tăng trưởng cao là năng lượng, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng.

Ngành công nghiệp trong những năm qua đã đảm bảo những cân đối lớn của nền kinh tế. Trước hết là đảm bảo nhu cầu về năng lượng cho sản xuất và đời sống nhân dân. Trong năm 2010, ngành năng lượng có mức tăng trưởng cao nhất: điện năng 14,4%, khí đốt 19,2%, khí hóa lỏng 84,7%, xăng dầu tăng 3,3 lần... Trong bối cảnh suy giảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát cao, cung cầu bất ổn, sự tăng trưởng của sản lượng công nghiệp góp phần giảm bớt những áp lực nói trên như đáp ứng nhu cầu về hàng tiêu dùng, nguyên liệu thiết bị, máy móc. Nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn và hiện đại đã góp phần ổn định vững chắc cho nền kinh tế như: nhà máy lọc dầu Dung Quất, một số công trình thuộc các ngành năng lượng, cơ khí, hóa chất, rượu, bia, nước giải khát... Năm 2010, các sản phẩm phục vụ tiêu dùng có nhịp độ tăng trưởng cao: quần áo cho người lớn tăng 17,9%, giày thể thao tăng 19,5%, bia tăng 21,4%, sữa bột tăng 26,1%, các loại giấy viết, giấy in tăng 9,9%...

Đạt được những thành tựu nói trên là do trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo các ngành và

địa phương tăng cường đầu tư, nhất là vào các dự án điện. Chính sách kích cầu, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tạo điều kiện để khôi phục năng lực sản xuất. Môi trường kinh doanh được hoàn thiện theo hướng thông thoáng tạo thuận lợi hơn cho các thành phần tham gia phát triển công nghiệp, nhất là khu vực FDI. Trong năm 2010, Bộ Công thương đã đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và hàng tiêu dùng...

Tuy nhiên, phát triển ngành công nghiệp vẫn còn một số hạn chế. Giá trị gia tăng của ngành còn thấp, chưa có nhiều sản phẩm và doanh nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế. Sản xuất công nghiệp chưa đáp ứng đủ yêu cầu của sản xuất và tiêu dùng trong nước làm cho nền kinh tế của ta vẫn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài, dẫn đến tình trạng nhập siêu cao và khó chủ động để đối phó với những biến động bất thường của thị trường thế giới. Chẳng hạn, trong ngành dệt may, VN chỉ lo được 43% phần nguyên vật liệu, còn lại xấp xỉ 60% vẫn phải nhập từ bên ngoài. Ngành da giày và một số ngành khác cũng tương tự như vậy. Công nghệ, máy móc chủ yếu phải nhập khẩu.

2.2 Về đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập siêu

Đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu, cải thiện cán cân thương mại là một trong những cân đối quan trọng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong những năm qua, xuất khẩu đã trở thành một trong những động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho đông đảo người dân. Tăng trưởng xuất khẩu được duy trì ở mức cao và tương đối ổn định trong một thời gian dài, bình quân khoảng 20%/năm cho giai đoạn 1995-2007. Chỉ trong năm 2009, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, lần đầu tiên xuất khẩu nước ta có nhịp độ tăng trưởng âm -9,7%. Tuy nhiên, trong năm đó, nhiều quốc gia định hướng xuất khẩu như Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật... có mức giảm còn cao hơn nước ta.

Năm 2010, nhờ những biện pháp khuyến khích xuất khẩu hiệu quả và kinh tế thế giới phục hồi

sau khủng hoảng, tăng trưởng xuất khẩu đã được phục hồi và đạt mức tăng trưởng cao hơn nhiều so với kế hoạch đề ra (kế hoạch là 6%). Trong 11 tháng năm 2010, giá trị kim ngạch xuất khẩu ước đạt 64,2 tỷ USD, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2009. Dự kiến, kim ngạch xuất khẩu cả năm 2010 có thể đạt mức 70 tỷ USD, tăng 22,6%. Một điều đáng ghi nhận là tăng trưởng xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản và hàng công nghiệp chế biến đạt mức cao. Giá trị kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản 11 tháng năm 2010 đạt 13,4 tỷ USD, tăng 20,4%; nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 34,8 tỷ USD, tăng 30,4%. Trong khi đó, giá trị xuất khẩu hàng nhiên liệu và khoáng sản giảm mạnh, 11 tháng 2010 giảm 11%. Một xu hướng tích cực trong xuất khẩu năm 2010 là tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã tăng từ 62% năm 2009 lên 68% năm 2010. Điều này cho thấy cơ cấu xuất khẩu nước ta đã có sự chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa.

Tuy nhiên, để xuất khẩu đóng góp hiệu quả vào ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế bền vững trong những năm tới, chúng ta cần khắc phục những hạn chế hiện nay trong hoạt động xuất khẩu như: Giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu còn thấp do chủ yếu dựa vào khai thác các yếu tố sẵn có về điều kiện tự nhiên và nguồn lao động rẻ; chính sách phát triển xuất khẩu trong thời gian qua quá chú trọng đến chỉ tiêu số lượng, chưa thật sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả xuất khẩu; chúng ta chưa khai thác một cách hiệu quả lợi thế cạnh tranh xuất khẩu dựa vào công nghệ, trình độ lao động, quản lý để tạo ra các nhóm hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh cao, chứa nhiều hàm lượng khoa học, công nghệ [1] và có khả năng thích ứng nhanh với sự biến đổi của môi trường kinh doanh quốc tế; chất lượng tăng trưởng xuất khẩu thấp làm hạn chế đóng góp của xuất khẩu vào ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế.

Giảm nhập siêu là một trong những nhiệm vụ đặt ra cho VN hiện nay cũng như những năm tới. Tình hình nhập siêu hiện nay vẫn đang là thách thức đối với nền kinh tế. Năm 2007, nước ta nhập siêu 12,4 tỷ USD, tỷ lệ nhập siêu là 25,7%; năm 2008 nhập siêu 18 tỷ USD, đạt tỷ lệ 30%; năm

2009 nhập siêu 12,9 tỷ USD, đạt tỷ lệ 22,5% so với kim ngạch xuất khẩu. Nếu kéo dài tình hình nhập siêu như hiện nay sẽ ảnh hưởng đến cán cân thương mại, cán cân thanh toán, giá trị đồng tiền VN, chỉ số giá tiêu dùng ở trong nước v.v.. Nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề, thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo hết sức quyết liệt việc thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, qua đó giảm nhập siêu.

Nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn nhập nhẩu và những biện pháp hạn chế nhập khẩu năm 2010 đã phần nào làm giảm bớt tình trạng căng thẳng về nhập siêu. Giá trị nhập khẩu 11 tháng ước đạt 74,9 tỷ USD, tăng 19,9%. Mức nhập siêu 11 tháng năm 2010 là 10,9 tỷ USD, tỷ lệ nhập siêu là 17,1% so với kim ngạch xuất khẩu. Dự kiến giá trị kim ngạch nhập khẩu cả năm 2010 là 82,5 tỷ USD, nhập siêu 12,5 tỷ USD, tỷ lệ nhập siêu là 17,8% so với kim ngạch xuất khẩu, thấp hơn mức dự kiến (dự kiến là 20%). Như vậy, mặc dù cán cân thương mại chưa được cải thiện đáng kể, nhưng những biện pháp hạn chế nhập siêu đã bước đầu phát huy tác dụng.

Cần nhận thức rằng, cân bằng cán cân thương mại ở VN không thể giải quyết ngay trong tầm ngắn hạn:

Trước hết, trong bối cảnh nước ta có trình độ phát triển thấp, việc nhập khẩu hiện nay là tất yếu để bù đắp những thiếu hụt về sản xuất và tiêu dùng trong nước. VN đang trong quá trình đầu tư phát triển, đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu. Trong khi đó, phần nhiều các máy móc, thiết bị, vật tư chúng ta chưa sản xuất trong nước được nên phải nhập khẩu và tỷ lệ này chiếm rất lớn trong kim ngạch nhập khẩu.

Thứ hai, VN mới ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, do đó, việc sản xuất trong nước từng bước thay thế nhập khẩu đòi hỏi cần phải có thời gian. Chẳng hạn, cần có thời gian để phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp cơ khí, chế tạo, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp... Tuy nhiên, điều đáng bàn ở đây là, VN nhập siêu trong một thời gian khá dài và mức độ nhập siêu ngày càng nghiêm trọng. Điều này có nghĩa là nhập khẩu chưa thúc đẩy đổi mới công nghệ, góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế,

mà đôi lúc chủ yếu chạy theo giá rẻ, chất lượng thấp. Nhập khẩu hiện tại chưa tạo đà cho việc tăng trưởng xuất khẩu và sản xuất thay thế nhập khẩu trong tương lai. Đây có thể nói là nguyên nhân chính của tình trạng nhập siêu triền miên ở nước ta trong những năm vừa qua.

2.3 Phát triển thị trường nội địa, kèm chế lạm phát

Có thể nhận định rằng, trong những năm gần đây, thị trường nội địa là một trong những điểm sáng của nền kinh tế VN, có những đóng góp to lớn vào tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Đặc biệt, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu, xuất khẩu và đầu tư nước ngoài sụt giảm, nhập siêu lớn, sự tăng trưởng của kinh tế VN chủ yếu là do yếu tố nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước. Liên tục trong nhiều năm (2004-2009), doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ luôn tăng ở mức trên 10% (sau khi đã trừ yếu tố tăng giá); dịch vụ phân phối trên thị trường nội địa đóng góp khoảng 14% GDP, sử dụng hơn 5 triệu lao động, chiếm tỷ trọng cao nhất trong ngành dịch vụ.

Năm 2010, tiếp tục quán triệt quan điểm thị trường trong nước là cơ sở, thị trường ngoài nước là quan trọng, hướng ứng phong trào người VN dùng hàng VN cùng với sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc triển khai các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước (XTTMTTTN), thị trường nội địa đã có những khởi sắc mới. Các doanh nghiệp đã chú ý hơn đến khu vực thị trường này, người tiêu dùng VN đến với hàng VN ngày càng nhiều hơn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 11 tháng năm 2010 đạt 1.425.170 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2009. Đặc biệt, khu vực tư nhân và kinh doanh cá thể có nhịp độ tăng doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ cao, chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2010, hai khu vực này chiếm tới 85,5% tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ.

Tuy nhiên, trình độ phát triển thị trường nội địa ở nước ta vẫn còn thấp. Điều này thể hiện ở tính hiện đại và độ lớn của thị trường. VN chưa có nhiều nhà phân phối lớn, phổ biến vẫn là các nhà bán lẻ quy mô nhỏ, ít kinh nghiệm trong kinh doanh và khả năng hợp tác, liên kết. Yếu kém về

cơ sở hạ tầng cũng là nguyên nhân hạn chế sự phát triển của thị trường nội địa nước ta như hệ thống giao thông, cơ sở kinh doanh, mạng lưới thông tin, dịch vụ vận tải... Chất lượng hàng hóa sản xuất trong nước chưa cao cũng là yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thị trường nội địa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngăn chặn lạm phát tăng cao trở lại là một trong những mục tiêu Chính phủ đặt ra cho năm 2010, khống chế mức tăng giá tiêu dùng dưới 8%. Trong năm qua, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành địa phương thực hiện các biện pháp để kiềm chế lạm phát như hỗ trợ phát triển sản xuất; bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ, trước hết là các mặt hàng thiết yếu như: gạo, đường, sữa, thuốc chữa bệnh, thức ăn chăn nuôi, phân bón, xăng dầu, xi măng, thép...; tăng cường công tác quản lý thị trường; hạn chế tăng trưởng tín dụng nóng, duy trì mức lãi suất hợp lý; giảm chi ngân sách, thực hành tiết kiệm... Tuy nhiên, do giá cả nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao sau khủng hoảng; thiên tai, lũ lụt ở miền Trung làm tăng giá các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm; giá bất động sản, vàng, USD biến động mạnh, lãi suất tăng cao... đã làm cho chỉ số giá tiêu dùng tăng cao hơn mức dự kiến. CPI trong 11 tháng đầu năm 2010 tăng tới 9,58% so với tháng 12/2009. Như vậy, trong năm tới, vấn đề kiềm chế lạm phát vẫn là một trong những mục tiêu hàng đầu trong quản lý kinh tế vĩ mô ở nước ta.

2.4 Về hội nhập kinh tế quốc tế

Bên cạnh những lĩnh vực chủ yếu nêu trên, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế cũng là một trong những hoạt động quan trọng của ngành công thương góp phần vào mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và duy trì tăng trưởng kinh tế. VN cùng ASEAN đã chính thức hoàn tất thiết lập chuỗi các thỏa thuận về khu vực thương mại tự do song phương với 6 nước đối tác trong khu vực Đông Á, bao gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Ấn Độ, Úc và New Zealand nhằm tăng cường hợp tác, duy trì môi trường kinh doanh khu vực có tính mở cao. Bộ Công thương đã phối hợp với các Bộ, ngành tích cực nghiên cứu, tham gia đàm phán các hiệp định khu vực mậu dịch tự do nhằm mở rộng thị

trường cho thương mại và đầu tư, bao gồm: Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP); Hiệp định thương mại tự do VN-Chi Lê, VN-Thụy Sĩ, VN-EU, VN-Nga; khởi động đàm phán FTA VN-Thổ Nhĩ Kỳ, VN-Thụy Sĩ... Trong năm 2010, chúng ta thực hiện tốt vai trò thường trực ASEAN, thúc đẩy hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN, tham gia các hoạt động của APEC, tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VN trong WTO...

3. Một số kiến nghị

Năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã-hội 2011-2020 và kế hoạch 5 năm 2011-2015. Mục tiêu đặt ra cho giai đoạn này là phát triển kinh tế nhanh và bền vững, tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đảm bảo nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm khoảng 7%-8%, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội. Ngành công thương sẽ có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu nói trên. Để đóng góp nhiều hơn nữa vào việc ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế, ngành công thương cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, phát triển mạnh công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nền tảng cho một nước công nghiệp. Phát triển công nghiệp với giá trị gia tăng cao. Tăng hàm lượng khoa học công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác; công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất; công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, ưu tiên cho việc nâng cao chất lượng tăng trưởng xuất khẩu. Tập trung đầu tư để chuyển dịch cơ cấu hàng hoá xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến dựa vào lợi thế lao động và công nghệ để tăng lợi thế về quy mô, đồng thời nhanh chóng chuyển sang phát triển các ngành sản xuất xuất khẩu dựa vào vốn và kỹ thuật cao để gia tăng giá trị. Từng bước giảm thiểu việc bảo hộ các ngành thay thế nhập khẩu mà khuyến khích đầu tư vào các ngành định hướng xuất khẩu. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước vào phát triển những ngành sản xuất định hướng xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh. Tranh thủ cơ hội do mở cửa thị trường để tận dụng tối đa lợi thế so sánh truyền thống nhằm nâng cao kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế về tài nguyên và lao động rẻ, đồng thời tận dụng cơ hội của việc gia nhập WTO và các FTA để tạo ra lợi thế cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu mới. Chuẩn bị đối phó với các vấn đề tranh chấp thương mại, trước hết là việc áp thuế chống bán phá giá của các nước đối với hàng xuất khẩu VN. Áp dụng có hiệu quả các biện pháp trợ cấp phù hợp với quy định của WTO. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại.

Ba là, kiểm soát nhập khẩu, hạn chế và từng bước giảm nhập siêu, lành mạnh hóa cán cân thương mại. Có chính sách ưu tiên nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ cao, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu. Áp dụng các biện pháp để hạn chế nhập khẩu công nghệ trung gian, lạc hậu, hàng hóa xa xỉ và hàng hóa trong nước sản xuất được. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu về nguyên vật liệu cho các ngành sản xuất xuất khẩu. Áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu để bảo vệ thị trường trong nước theo nguyên tắc của WTO, như: các biện pháp tự vệ khẩn cấp, áp thuế chống bán phá giá... Tăng cường kiểm soát nhập khẩu, trước hết là ngăn chặn việc nhập lậu hàng từ các nước ASEAN và Trung Quốc để bảo vệ hàng sản xuất trong nước. Tranh thủ mở cửa thị trường trong các FTA mới để đa dạng hóa thị trường nhập khẩu và nhập khẩu công nghệ nguồn.

Bốn là, mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước. Tạo môi trường thuận lợi cho việc mở rộng thị trường trong nước phát triển, như: cải cách thủ tục hành chính, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại. Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước. Phải làm ra các sản phẩm có chất lượng, phù hợp với từng đối tượng tiêu dùng và tạo ra bản sắc riêng, khác biệt của hàng hóa VN. Phát triển hệ thống phân phối, phát triển các doanh nghiệp phân phối lớn, làm đầu mối liên kết hệ thống phân phối trong nước. Đẩy mạnh việc hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường nội địa, đồng thời tạo các điều kiện, cơ sở hạ tầng vật chất cần thiết của hệ thống phân phối giúp các doanh nghiệp xuất khẩu chiếm lĩnh và đứng vững trên thị trường trong nước. Chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chương trình XTTMTTTN, lấy chương trình này làm nội dung chủ yếu và hoạt động trọng tâm của Chương trình hành động thực hiện cuộc vận động “Người VN ưu tiên dùng hàng VN”■

CHÚ THÍCH

[1] Tính đến hết năm 2009, tỷ trọng hàng xuất khẩu công nghệ cao của VN chỉ chiếm khoảng 9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, tỷ lệ này của Trung Quốc là 35%, Thái Lan là 40%, Malaysia là 60%. Điều đáng nói là tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghệ cao của VN ít thay đổi trong 10 năm gần đây.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2011-2020.
2. Bộ Công thương (2009), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và kế hoạch của ngành công thương năm 2010*.
3. Bộ Công thương (2010), *Báo cáo tình hình hoạt động công nghiệp và thương mại tháng 11 và 11 tháng năm 2010*.
4. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm 2004-2008*.
5. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2010), *Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2009*, Bài phát biểu nhân dịp năm mới 2010.